

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

Handwritten signature

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (02).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC KHÓA 59

Tên chương trình: Sư phạm Lịch sử
Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử

Trình độ đào tạo: Đại học
Mã ngành: 7140218

(Ban hành theo Quyết định số: 2261 /QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)..

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kì dự kiến	
				Lên lớp								
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM				
I	Kiến thức chung		26									
1.	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	32	10	6	10				1	
2.	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2	
3.	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3	
4.	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4	
5.	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	5	
6.	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				6	
7.	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					2	
8.	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4		36					1	
9.	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4		36					3	
10.	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung								3
11.	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1,2	
12.	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	2,3	
13.	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	3,4	
14.	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				1	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		59									
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành		15									
Các học phần bắt buộc			9									
15.	59IOH231	Nhập môn Sử học	3	36	6	6	6				1	
16.	59HIC231	Lịch sử văn minh thế giới	3	36	6	6	6				4	
17.	59GEH231	Nhân học đại cương	3	36	6	6	6				2	
Các học phần tự chọn			6									

Handwritten signatures in blue ink.

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kì dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
18.	59VSI231	Biển, đảo Việt Nam	3	36	6	6	6				3
19.	59VPG231	VN trong quá trình toàn cầu hóa	3	36	6	6	6				3
20.	59TOL231	Khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	3	36	6	6	6				3
21.	59SAL231	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	3	36	6	6	6				3
22.	59RBV231	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	3	36	6	6	6				3
2.2	Khối kiến thức chuyên ngành		44								
Các học phần bắt buộc			38								
23.	59VAM331	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3	36	6	6	6				1
24.	59VPM331	Lịch sử Việt Nam cận đại	3	36	6	6	6			59VAM331	2
25.	59VHM331	Lịch sử Việt Nam hiện đại	3	36	6	6	6			59VPM331	3
26.	59WAM331	Lịch sử Thế giới cổ trung đại	3	36	6	6	6				1
27.	59WPM331	Lịch sử Thế giới cận đại	3	36	6	6	6			59WAM331	2
28.	59MWH331	Lịch sử Thế giới hiện đại	3	36	6	6	6			59WPM331	3
29.	59SPV321	Thực tế lịch sử Việt Nam	2					60			2
30.	59RMF331	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	3	34	6	10	6				4
31.	59HOI331	Lịch sử Quan hệ quốc tế	3	36	6	6	6			59WAM331 59WPM331	4
32.	59MCA331	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3	36	6	6	6			59MWH331	6
33.	59SIV331	Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn	3	36	6	6	6				6
34.	59DHO331	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	36	6	6	6				5

Handwritten signatures and initials.

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kì dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
35.	59EAC331	Hợp tác Đông Á sau Chiến tranh lạnh	3	36	6	6	6				5
Các học phần tự chọn			6								
36.	59SOG331	Chiến lược của các nước lớn ở châu Á – Thái Bình Dương	3	36	6	6	6				6
37.	59UHV331	Lịch sử đô thị Việt Nam	3	36	6	6	6				6
38.	59COV331	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	36	6	6	6				6
39.	59WAP331	Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX	3	36	6	6	6				6
40.	59CIT331	Các nền văn minh Việt Nam	3	36	6	6	6				6
41.	59ASE331	ASEAN trong xu thế toàn cầu hóa	3	36	6	6	6				6
42.	59MAC331	Trật tự thế giới thời cận - hiện đại	3	36	6	6	6				6
43.	59SEA331	Đông Nam Á	3	36	6	6	6				6
44.	59HCM331	Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam	3	36	6	6	6				6
45.	59WCI331	Giai cấp công nhân Việt Nam thời cận đại	3	36	6	6	6				6
46.	59CIP331	Các tổ chức chính trị quốc tế đương đại	3	36	6	6	6				6
47.	59VCI331	Danh nhân Việt Nam trong lịch sử	3	36	6	6	6				6
48.	59NLM331	Phong trào giải phóng dân tộc thế kỉ XX	3	36	6	6	6				6
III	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		38								
Các học phần bắt buộc			35								
49.	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				1
50.	59PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431	2
51.	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59EPS431 59PEP431	3
52.	59HST441	Phương pháp dạy học Lịch sử	4	48	4	6	2	12			5

ngn *Uaut*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
53.	59HTS431	Kỹ năng dạy học Lịch sử	3	30	5	20	5				4
54.	59OFT431	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử	3	36	0	6	3	9			6
55.	59AIT431	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử	3	30	0	30	0				6
56.	59EUV431	Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học Lịch sử	3	36	4	10	4				7
57.	59ATH431	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử	3	36	4	10	4				7
58.	59PPH421	Thực hành sư phạm Lịch sử	2	0	30	30	0				7
59.	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2								5
60.	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3								8
Các học phần tự chọn			3								
61.	59HTT431	Kỹ thuật dạy học môn Lịch sử	3	36	4	10	4				7
62.	59DIT431	Tư liệu trong dạy học Lịch sử	3	36	4	10	4				7
63.	59IIS431	Tạo hứng thú học tập trong dạy học Lịch sử	3	36	4	10	4				7
64.	59DPS431	Phát triển chương trình nhà trường	3	36	6	6	6				7
65.	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				7
IV	Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		6								
Các học phần thay thế khóa luận			6								
67.	59HES931	Giáo dục di sản trong dạy học KHXH	3	36	4	10	4				8
68.	59MEP931	Trung Cận Đông thời cận hiện đại	3	36	6	6	6				8
69.	59RAM931	Cải cách ở châu Á thời cận - hiện đại	3	36	6	6	6				8

Đã *Chant*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kì dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
70.	59HSS931	Chủ đề lịch sử và KHXH	3	36	6	6	6				8
71.	59COE931	Văn hóa của các dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ	3	36	6	6	6				8
72.	59RVH931	Các cuộc cải cách trong Lịch sử Việt Nam	3	36	6	6	6				8
73.	59DSC931	Phát triển năng lực tự học Lịch sử cho học sinh	3	36	6	6	6				8
Tổng số			129								

Ghi chú: Tổng số **129** tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Handwritten signature

TAO